

KHẮC PHỤC YẾU TỐ PHI THỊ TRƯỜNG TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Văn Lịch *

1. Bối cảnh

Quá trình đổi mới kinh tế ở nước ta từ năm 1986 đến nay được thể hiện tập trung nhất ở hai nội dung chủ yếu: (1) Chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế hàng hoá vận hành theo cơ chế thị trường (2) mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới. Đây là bước đột phá về tư duy kinh tế làm chuyển biến nền kinh tế nước ta trong hơn 20 năm qua. Thứ nhất, đoạn tuyệt với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Hai là, từ bỏ quan điểm phát triển kinh tế theo kiểu khép kín, đóng cửa, tự cấp, tự túc.

Cải cách kinh tế theo định hướng thị trường ở nước ta trong hơn 20 năm qua, về cơ bản, là phù hợp với những nguyên tắc của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc của WTO. Đó là quá trình tạo dựng cơ sở hoạt động cho một nền kinh tế thị trường thực sự: giá cả về cơ bản đã là giá thị trường, lãi suất cũng đã do thị trường xác định, tỷ giá từng bước được điều chỉnh linh hoạt theo thị trường, các loại thị trường đã hình thành và ngày càng đồng bộ hơn, các quyền kinh doanh đã được mở rộng rõ rệt, các chủ thể kinh doanh đã phát triển đa dạng, các thị trường đã mở cửa hội nhập quốc tế ở mức độ nhất định. Khung khổ pháp luật đang được hoàn thiện theo hướng đầy đủ rõ ràng và dễ dự đoán hơn. Năng lực quản lý và điều hành của Chính phủ ngày càng tốt hơn và hiệu quả hơn.

Trong những năm gần đây, dưới sức ép của hội nhập, đặc biệt là đàm phán gia nhập

WTO. Việt Nam đã có những cải cách đáng kể theo hướng thị trường. Việc gia nhập WTO của Việt Nam vào ngày 11 tháng 1 năm 2007 thể hiện sự công nhận quốc tế đối với quá trình cải cách kinh tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, quá trình cải cách KTTT diễn ra còn chậm so với cam kết hội nhập và mức độ tự do hoá thương mại. Khung khổ pháp lý còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa thực sự minh bạch và dễ dự đoán, vẫn còn phân biệt giữa các thành phần kinh tế, hiện tượng tham nhũng tràn lan, có biểu hiện gia tăng xu hướng bảo hộ, quay về cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp. Những vấn đề nảy sinh nói trên sẽ cản trở quá trình đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Những hạn chế trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta làm cho nền kinh tế tăng trưởng chưa bền vững, sai lệch trong đầu tư và phân bổ nguồn lực, mà hệ quả là tạo ra một cơ cấu kinh tế không hợp lý. Sự yếu kém của nền kinh tế thị trường còn là nguyên nhân gây mất ổn định kinh tế, phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, đầu cơ, buôn lậu. Tính chất kém hoàn hảo của kinh tế thị trường làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội như gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tha hoá biến chất ở một bộ phận cán bộ. Đặc biệt, trong ngắn hạn, việc chưa có nền kinh tế thị trường đầy đủ đã làm cho Việt Nam ở vào thế bất lợi

* Nguyễn Văn Lịch, Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thương mại.

trong cạnh tranh thương mại quốc tế, bị phân biệt đối xử trong các vụ kiện bán phá giá.

Bài viết này sẽ tập trung vào việc nhận dạng các yếu tố phi thị trường của nền kinh tế Việt Nam, những tác động của tình trạng kinh tế phi thị trường đối với phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường nước ta, khắc phục các yếu tố phi thị trường trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay, nhằm hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại.

2. Một số yếu tố mang tính chất “phi thị trường” trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

2.1 Môi trường kinh doanh.

Môi trường kinh doanh ở nước ta đã được cải thiện đáng kể trong 20 năm đổi mới. Quyền kinh doanh thương mại đã được thừa nhận đối với tất cả các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức, kể cả các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp ban hành năm 2005 đã mở rộng quyền kinh doanh và đầu tư cho các chủ thể kinh tế. Với việc trở thành thành viên WTO, Việt Nam đã ban hành Quy chế đãi ngộ quốc gia và Quy chế tối huệ quốc. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, chủ yếu là giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI. Điều này làm cho môi trường cạnh tranh trở nên không bình đẳng. Khó khăn trong tiếp cận các nguồn lực, chủ yếu là vốn và đất đai làm cho sự cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp nhà nước trở nên không bình đẳng.

2.2 Mức độ can thiệp của Chính phủ vào việc phân bổ nguồn lực, bao gồm đất đai, vốn, tài nguyên, lao động.

Phân quyền các quyết định kinh tế là một tiêu chuẩn của các nền kinh tế thị trường, trong đó, tất cả các quyết định độc lập về giá cả và sản lượng, nguồn đầu vào, và đầu tư của các cá nhân và công ty phục vụ lợi ích

riêng, tổng hợp lại đảm bảo rằng các nguồn lực kinh tế được phân bổ và sử dụng một cách hiệu quả nhất. Giá cả trong những nền kinh tế như vậy có xu hướng phản ánh cả tình hình nhu cầu lẫn tính khan hiếm tương đối của các nguồn lực cho sản xuất.

Một thước đo quan trọng trong việc đánh giá mức độ kiểm soát của Chính phủ đối với các quyết định sản xuất và phân bổ nguồn lực là mức độ tham gia của Chính phủ trong quá trình phân bổ vốn. Nếu coi ngân hàng là các nhà cung cấp vốn quan trọng, thì việc Chính phủ tiến hành kiểm soát khu vực ngân hàng thương mại như thế nào là một yếu tố cần được xem xét. Thứ hai là định giá và cuối cùng là tham gia của nhà nước vào hoạt động kinh doanh.

Hiện nay, mức độ can thiệp của Chính phủ còn khá lớn trong lĩnh vực ngân hàng và định giá, trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù Chính phủ đã có những bước tái cơ cấu lĩnh vực ngân hàng để phù hợp với quy định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế, song tốc độ cải cách chậm chạp trong khu vực ngân hàng thương mại, và việc Chính phủ duy trì sự hiện diện đáng kể, nắm giữ tới 70% đến 80% khu vực này, là những nguyên nhân gây nên tình trạng phân biệt đối xử về khả năng tiếp cận các nguồn vốn từ ngân hàng. Khu vực tư nhân mới tăng trưởng, chủ yếu bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ, là bộ phận cấu thành đầy ấn tượng của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, do Chính phủ vẫn có sự điều hành đáng kể đối với lãi suất và các chính sách cho vay, nên khu vực này vẫn bị hạn chế trong việc tiếp cận các khoản tín dụng cần thiết để duy trì sự tăng trưởng liên tục phù hợp với các nguyên tắc của một nền kinh tế thị trường. Mặc dù lĩnh vực ngân hàng chỉ chiếm 1/4 tổng tiết kiệm của Việt Nam, song những kiểm soát theo luật định và trên thực tế mà Chính phủ duy trì đã hạn chế lĩnh vực ngân hàng trong việc phát triển thành một trung gian tài chính thực sự. Cuối cùng, mặc dù giá cả đã được tự do hóa một thời gian đáng kể, GPG vẫn duy trì quyền kiểm soát tùy ý đối với giá cả trong các lĩnh vực ngoài

những lĩnh vực điển hình được xem là độc quyền tự nhiên.

2.3 Vấn đề sở hữu tài sản, đặc biệt là đất đai

Đất đai là một trong những yếu tố sản xuất quan trọng. Nếu yếu tố này không được thị trường hoá sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, gây nên sự bất bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh, chủ yếu là giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

Theo Quyết định của Hoa Kỳ về tình trạng kinh tế thị trường/phi thị trường của Việt Nam cũng đưa ra nhận xét rằng quyền tự do chuyển nhượng và tiếp cận thị trường bất động sản là những nhân tố chủ chốt của sở hữu đất đai tư nhân. Ở Việt Nam, không có quyền sở hữu đất đai tư nhân và Chính phủ hiện vẫn chưa bắt đầu chương trình tư nhân hoá quyền này. Tất cả tài nguyên đất thuộc về "toàn dân" nhưng lại được quản lý bởi Nhà nước. Chính phủ cho thuê đất và trao cho các cá nhân và công ty một số quyền sử dụng đất hạn chế, còn việc chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất hoàn toàn phụ thuộc vào việc xem xét và chấp thuận của Nhà nước.

Thị trường bất động sản nước ta bước đầu đã đi vào hoạt động, tuy nhiên cơ sở pháp lý cho sự hoạt động có hiệu quả thị trường này còn nhiều bất cập. Điều này làm cho công tác quản lý gặp nhiều khó khăn. Thị trường nhà đất trong thời gian gần đây thiếu sự quản lý nên đã xảy ra tình trạng sốt ảo. Hậu quả này ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ nền kinh tế, rõ nhất là lĩnh vực ngân hàng.

Sự kém phát triển hiện nay của thị trường bất động sản đã gây ra những thiệt hại to lớn: Không có tài sản thế chấp để thị trường tiền tệ, tài chính hoạt động; Trước đây, giá đất nhà nước quy định ở mức thấp, không sát với giá thị trường làm nảy sinh nhiều tiêu cực. Từ tháng 7/2004 Luật Đất đai mới có hiệu lực thì giá nhà nước định lại cao, thủ tục giao dịch phức tạp, thuế chuyển nhượng không rõ ràng.

2.4 Tính chất phi thị trường ở thị trường lao động

Hiện nay, tiền lương/công về cơ bản đã được định theo các nguyên tắc thị trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, trong khu vực kinh tế Nhà nước và đặc biệt là khu vực hành chính vẫn mang nặng tính áp đặt, thiếu khoa học và phi thị trường. Điều này đã làm cho khu vực kinh tế Nhà nước kém năng động, bộ máy Nhà nước làm việc kém hiệu quả, nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, gây bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Những tác động tiêu cực của hệ thống tiền lương nước ta cũng ảnh hưởng đến cải cách thị trường, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong Quyết định của Hoa Kỳ về tình trạng kinh tế thị trường/phi thị trường của Việt Nam, phía Hoa Kỳ cho rằng Chính phủ Việt Nam còn duy trì một sự kiểm soát về mặt pháp lý đối với một số mức lương; điều này có thể ảnh hưởng đến việc tự do thỏa thuận giữa nhà tuyển dụng và người lao động, rút cục ảnh hưởng đến việc tạo thành giá cả. Tuy nhiên, trong một mức độ nhất định, sự kiểm soát về mặt pháp lý không được thực thi nhất quán, do đó, trên thực tế, một thị trường lao động tự do đã phát triển. Không cho phép thỏa thuận tự do về tiền lương giữa người lao động và nhà quản lý lao động do có sự kiểm soát của Chính phủ đối với các mối quan hệ giữa người lao động và nhà quản lý lao động. Pháp luật lao động được ban hành gần đây cùng với các sửa đổi bổ sung đã làm phức tạp thêm các mối quan hệ lao động. Chính phủ hạn chế việc phổ biến thông tin về tình trạng thị trường lao động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị hạn chế trong việc tuyển dụng trực tiếp lao động và phải trả mức lương tối thiểu cao hơn.

2.5 Đồng tiền Việt Nam chưa có tính chuyển đổi đáng kể trên cả các tài khoản vãng lai cũng như tài khoản vốn

Tính chuyển đổi của đồng tiền là một đặc trưng hết sức quan trọng phản ánh trình độ

phát triển của thị trường và hội nhập quốc tế. Tổng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam đã vượt tổng GDP, nguồn vốn nước ngoài kể cả FDI, ODA, kiều hối đã chiếm từ 40-50% tổng giá trị đầu tư phát triển tùy theo từng năm, trong điều kiện đó VND chưa chuyển đổi được là một hạn chế lớn và đã không phản ánh được thực tế phát triển thị trường ở nước ta.

Trong Quyết định của Hoa Kỳ về tình trạng kinh tế thị trường/phi thị trường của Việt Nam, phía Hoa Kỳ cho rằng, đồng tiền Việt Nam, tiền đồng, chưa hoàn toàn có khả năng chuyển đổi, và phải chịu các hạn chế đáng kể trong việc sử dụng, chuyển nhượng và xác định tỷ giá hối đoái. Do vậy, Việt Nam vẫn chưa tuân thủ các nghĩa vụ của Điều VIII của IMF, trong đó yêu cầu khả năng chuyển đổi hoàn toàn đối với tài khoản vãng lai, điều mà tất cả các nước gần đây được công nhận có nền kinh tế thị trường đã thực hiện xong. Phía Hoa Kỳ đánh giá là mức độ khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam còn kém xa so với tất cả các nước gần đây được công nhận là có nền kinh tế thị trường. Cho dù đã đạt được những tiến bộ tích cực về khả năng chuyển đổi của đồng tiền, thể hiện bước tiến dần tới tự do hoá, nhưng nhìn chung, chế độ ngoại hối vẫn được bảo hộ trước các tác động thị trường khách quan. Chính sách tiền tệ hiện nay của Việt Nam không đáp ứng các yêu cầu cần thiết của tỷ giá hối đoái trên cơ sở thị trường. Tiền đồng chưa hoàn toàn có khả năng chuyển đổi đối với các giao dịch tài khoản vãng lai và tài khoản vốn và tỷ giá hối đoái vẫn còn bị chính phủ ấn định một cách hữu hiệu.

2.6 Tính không đồng bộ của các thị trường

Điều này thể hiện khá rõ trong những năm gần đây khi mà hoạt động của các thị trường như tiền tệ, chứng khoán, đất đai làm nảy sinh các vấn đề làm mất ổn định nền kinh tế. Thị trường tín dụng không được quản lý chặt chẽ gây tình trạng tăng tín

dụng quá mức, đe dọa sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Thị trường chứng khoán sụt giảm nghiêm trọng sau khi tăng ảo gây nên tâm lý lo lắng đối với các nhà đầu tư. Hoạt động của thị trường này chưa thể hiện được với tư cách là một kênh huy động vốn hiệu quả. Thị trường bất động sản tăng trưởng quá nóng, gây mất ổn định cho các thị trường khác như tiền tệ, làm giảm hiệu quả đầu tư cho sản xuất và kinh doanh. Các loại thị trường khác như lao động, khoa học công nghệ còn quá sơ khai, chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ, làm cho lao động và các sản phẩm khoa học chưa được tự do trao đổi trên thị trường. Tính không đồng bộ của các loại thị trường là một trong những nguyên nhân gây mất ổn định nền kinh tế trong thời gian qua.

2.7 Tính minh bạch của chính sách kinh tế và tính dự đoán của các quyết định thị trường còn hạn chế

Khung pháp luật Việt Nam còn thiếu tính đồng bộ và tính thống nhất, chưa cụ thể và không chặt chẽ. Hệ thống pháp luật của nước ta vẫn còn chịu ảnh hưởng của cơ chế, tư duy của nền kinh tế kế hoạch tập trung thể hiện ở chỗ pháp luật còn quá chú trọng đến hình thức sở hữu, trong khi quyền sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu còn chưa thực sự rõ ràng và tính cưỡng chế của pháp luật và hợp đồng thương mại còn chưa cao. Trong nhiều khía cạnh pháp lý, việc quá chú trọng tới hình thức sở hữu đã góp phần đáng kể trong việc duy trì một cấu trúc thị trường thiếu tính cạnh tranh và khuyến khích các hành vi phản cạnh tranh.

Chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với quá trình cải cách kinh tế, hội nhập quốc tế ngày càng được làm rõ, phân định rõ ràng hơn, phù hợp với tiến trình cải cách, hội nhập kinh tế quốc tế hơn. Sự đổi mới tổ chức các bộ và cơ quan ngang bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý được thể hiện dưới các hình thức: 1) sát nhập các Bộ/cơ quan ngang Bộ; 2) Tách một Bộ/cơ

quan ngang Bộ thành hai hay nhiều Bộ và 3) Lập riêng các Bộ và cơ quan ngang Bộ mới cho phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và trong bối cảnh hội nhập. Tuy vậy, trên thực tế còn có nhiều cơ quan/bộ phận Chính phủ có chức năng trùng lặp trong khi một số bộ phận còn thiếu so với nhu cầu thực tế, gây mâu thuẫn, chồng chéo chức năng và thiếu khả năng thực thi.

Hiệu lực thực thi pháp luật ở Việt Nam chưa cao do yếu kém trong tổ chức bộ máy, năng lực điều hành. Hiệu lực pháp luật chưa cao, phép nước không nghiêm minh thể hiện ở tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước sa sút về phẩm chất đạo đức, hiện tượng tham nhũng phổ biến. Việc tổ chức bộ máy nhà nước và việc phối hợp, điều phối giữa các cơ quan nhà nước, liên bộ còn chưa hiệu quả, nhịp nhàng, thiếu sự thống nhất và sự tự nguyện chung. Hệ thống toà án của Việt Nam, mặc dù đã có một số toà án chuyên môn song nhìn chung còn yếu kém. Việt Nam cho đến nay vẫn còn nhiều khó khăn do thiếu các luật sư, thẩm phán được đào tạo cơ bản. Hơn nữa, trong việc giải quyết các tranh chấp kinh tế, trong nhiều trường hợp, trình tự thực hiện và thi hành pháp luật hoặc là mới, chưa được thử nghiệm hoặc là chưa có, và do đó khó có thể dự đoán kết quả.

3. Một số nguyên nhân tình trạng phi thị trường của nền kinh tế và những tác động của tính chất phi thị trường đến sự phát triển của Việt Nam.

Tình trạng phi thị trường vẫn tồn tại trong nền kinh tế Việt Nam như đã nêu trên xuất phát từ 3 nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Một là*, Việt Nam đang trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường từ một nền kinh tế tập trung bao cấp. Điều này có nghĩa là phải có thời gian nhất định để hoàn thiện và xây dựng các yếu tố kinh tế thị trường.

- *Hai là*, Việt Nam là nước có nền kinh tế tập trung trước đây. Do đó, theo quan điểm của một số nước trong WTO, phải có một thời

gian để cải cách kinh tế theo thị trường đáp ứng yêu cầu của WTO. Hơn nữa vẫn còn phân biệt đối xử trong WTO giữa các nước kinh tế thị trường và các nước cộng sản trước đây.

- *Ba là*, mức độ cải cách kinh tế thị trường nước ta còn chậm. Tư duy về kinh tế thị trường vẫn chưa được thống nhất trong quan điểm và hành động thực tiễn. Thiếu kinh nghiệm về quản lý kinh tế trong bối cảnh hội nhập và tự do hoá.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, những yếu tố phi thị trường sẽ làm tổn hại không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, thể hiện ở những khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, Việt Nam sẽ phải đối phó với tình trạng áp thuế chống bán phá giá đối với hàng hoá của mình tại những thị trường các nước chưa công nhận Việt Nam là kinh tế thị trường. Điều này sẽ gây bất lợi đối với doanh nghiệp nước ta trong cạnh tranh với hàng hoá các nước khác khi thâm nhập các thị trường nói trên. Thực tế cho thấy, từ năm 2001 đến nay, Việt Nam đã phải đối phó với 12 vụ kiện chống bán phá giá do Hoa Kỳ và EU tiến hành. Mặc dù Việt Nam cố chứng minh tính chất thị trường của nền kinh tế, nhưng các vụ kiện đó Việt Nam vẫn thất bại và chịu mức áp đặt mức thuế bán phá giá. Đây có thể xem là tác động trực tiếp nhất của tình trạng phi thị trường của nền kinh tế. Nếu theo cam kết WTO, tình trạng này còn phải kéo dài cho đến 12/2018.

Thứ hai, những yếu tố phi thị trường của nền kinh tế nước ta thể hiện một trình độ thấp của phát triển kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng và tính bền vững của nền kinh tế. Yếu tố phi thị trường sẽ làm sai lệch trong phân bổ đầu tư, làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng chi phí sản xuất, giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá và dịch vụ. Nhiều dự án lớn cấp quốc gia không hoạt động hiệu quả cũng có nguyên nhân từ sự phân bổ nguồn lực không hợp lý như các dự án mía đường, xi măng,

cảng biển, khu công nghiệp tập trung... Những yếu tố phi thị trường của nền kinh tế còn làm méo mó môi trường kinh doanh, tạo ra những hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, đầu cơ, buôn lậu, làm nản lòng các nhà đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, tính chất phi thị trường của nền kinh tế làm giảm khả năng đề kháng của nền kinh tế trước những cú sốc bên trong và bên ngoài như đối phó với tình hình tăng giá quốc tế, khủng hoảng tài chính, tín dụng. Biến động kinh tế năm 2004 và cuối năm 2007 đến nay đã cho thấy nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc một cách bị động vào nền kinh tế thế giới. Nếu không có những biện pháp đối phó, tình trạng nói trên sẽ dẫn đến nguy cơ khủng hoảng, đánh mất cơ hội của quá trình hội nhập. Sự hoạt động kém hiệu quả của các thị trường như tài chính tiền tệ, chứng khoán, bất động sản, ở một mức độ nào đó, thể hiện sự kém hoàn hảo của thị trường nước ta.

Thứ tư, sự méo mó thị trường sẽ có tác động tiêu cực đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Việc phân bổ nguồn lực không theo thị trường, môi trường kinh doanh không bình đẳng, hệ thống tài chính yếu kém, các công cụ điều tiết thị trường hoạt động kém hiệu quả là nguyên nhân làm nảy sinh các vấn đề xã hội như bất bình đẳng về thu nhập, bấp bênh về việc làm, gia tăng các hiện tượng như tham nhũng, quan liêu, làm mất lòng tin của dân chúng.

Thứ năm, các yếu tố phi thị trường của nền kinh tế làm giảm hình ảnh của Việt Nam trong thương mại và đầu tư quốc tế. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam, giảm sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Sự yếu kém của thị trường nước ta cũng tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài thu được lợi nhuận lớn, làm suy yếu nền kinh tế. Việc bị một số nước coi là kinh tế phi thị trường có thể làm phức tạp đối với giải quyết một số vấn đề quốc tế như vấn đề dân chủ, nhân quyền...

4. Một số giải pháp khắc phục tính phi thị trường của nền kinh tế Việt Nam

4.1 Tiếp tục đổi mới tư duy về kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế

Trước hết, phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam phải tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí của kinh tế thị trường hiện đại. Nền kinh tế của ta đã hội nhập với khu vực và thế giới nên cần có tư duy toàn cầu về phát triển kinh tế, chuyển từ tư duy quốc gia sang tư duy toàn cầu. Kinh tế Việt Nam sau khi gia nhập WTO là một bộ phận của nền kinh tế thế giới. Sự thay đổi tình hình thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam. Những biến động của kinh tế Việt Nam cũng sẽ ảnh hưởng đến kinh tế thế giới, được thế giới chú ý quan tâm. Tư duy toàn cầu đòi hỏi việc lựa chọn cơ cấu kinh tế phải tính đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn cầu, chuỗi giá trị toàn cầu, theo sự phân công lao động quốc tế. Do đó phải thường xuyên theo dõi biến động thị trường thế giới, nghiên cứu dự báo tình hình thị trường thế giới. Thứ hai, chuyển từ tư duy hành chính, mệnh lệnh sang tư duy kinh tế - kỹ thuật. Các nước, đặc biệt là các nước phát triển không chấp nhận các biện pháp quản lý hành chính trong thương mại quốc tế. Mọi quy định phải được luật hoá, thuế hoá, tiêu chuẩn hoá, phải "đo" được và được sự chấp nhận quốc tế. Thứ ba, đổi mới tư duy về quản lý nhà nước. Luật pháp trong nước phải phù hợp với quy tắc quốc tế, theo thông lệ quốc tế. Điều hành tư pháp phải căn cứ yếu tố quốc tế, nắm vững luật pháp quốc tế. Chuyển quản lý theo ngành dọc sang quản lý theo chiều ngang, tăng cường tính liên kết, hợp tác, tăng cường cơ chế phối hợp các Bộ/ngành. Chú trọng quản lý liên ngành.

4.2 Hoàn thiện môi trường kinh doanh đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, hạn chế độc quyền

Rà soát lại hệ thống luật pháp về doanh nghiệp đầu tư kinh doanh nhằm tăng cường tính minh bạch, nhất quán, ổn định và có

thể tiên liệu được: Giám sát quá trình lập pháp và lập quy, bảo đảm tính nhất quán của các văn bản pháp luật về kinh doanh: từ Luật cho đến các thủ tục, giấy phép; Tạo dựng các thiết chế để người dân thực hiện tổ quyền, yêu cầu huỷ bỏ các văn bản pháp quy hạn chế quyền tự do kinh doanh một cách bất hợp lý; Thực hiện việc đánh giá ảnh hưởng của hệ thống thể chế đối với môi trường kinh doanh, nhằm loại bỏ các yếu tố trở nên lạc hậu hoặc gây cản trở. Cần có chính sách toàn diện tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, trong đó cần đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập doanh nghiệp, lối lỏng quy định về điều kiện kinh doanh. Mở rộng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết là trong lĩnh vực xác định giá cả, quảng cáo, quản lý nhân sự, quản lý tài chính tiền lương, chế độ khuyến khích, thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện. Xoá bỏ các trở ngại hành chính quan liêu, tăng cường tính minh bạch. Mở rộng cạnh tranh trong xây dựng và cung cấp các dịch vụ hạ tầng.

4.3 Đổi mới phương thức phân bổ nguồn lực

Hoàn thiện khung luật pháp về sở hữu; về tài sản công, đầu tư công; Đổi mới thể chế thực hiện quyền sở hữu nhà nước đối với vốn và tài sản đầu tư tại các doanh nghiệp; Hoàn thiện pháp luật về thuế và pháp luật liên quan đến thu nhập/ lợi ích công dân (với tư cách là người lao động, kinh doanh, nhà đầu tư,...), tạo động lực và bảo đảm công bằng xã hội (thông qua việc thực thi các sắc thuế, bảo hiểm xã hội, các khoản chuyển giao và chính sách hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương), v.v.; Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá; Ban hành Luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; Đổi mới thị trường lao động và cải cách tiền lương, tiền công trong khu vực nhà nước; Triển khai các hình thức đối tác công tư (PPP) trong phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội.

4.4 Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý Nhà nước về kinh tế

Xác định lại vai trò, chức năng của bộ máy hành pháp trong việc quản lý Nhà nước về kinh tế, loại bỏ những chức năng trùng lặp giữa các bộ theo nguyên tắc mỗi việc chỉ do một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm. Đổi mới phương thức can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế nhằm phù hợp với cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế. Nghiên cứu và xác định phương thức quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, đặc biệt là đổi mới cơ bản công tác quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường và những định hướng phát triển của Nhà nước. Thay đổi cơ bản mục tiêu và phương thức quản lý công sản. Làm rõ nội hàm các nội dung “vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước” và “vị trí then chốt của DNNN”, đặc biệt là xác định những lĩnh vực Nhà nước còn phải cần nắm giữ vị thế độc quyền hoặc khống chế thị trường. Kiên quyết loại bỏ nhanh các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; đẩy nhanh tiến độ ra quyết định của các cơ quan nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý, quy trình tác nghiệp, chống phiền hà, nhũng nhiễu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần thực hiện tốt chủ trương này.

4.5 Từng bước thiết lập quyền sở hữu về tài sản, đặc biệt là đất đai

Nhất quán quan điểm đa dạng hoá các hình thức sở hữu, phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, tạo điều kiện cho mọi thành phần tham gia đầu tư, kinh doanh những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cấm. Thay việc Nhà nước đầu tư toàn bộ bằng cách Nhà nước quy hoạch, thiết kế, xây dựng phương án và kêu gọi đầu tư cả trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho dân đầu tư, cho các thành phần tham gia đầu

tư, tạo luật chơi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ganh đua một cách lành mạnh. Tất cả vì hiệu quả chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trong đó Nhà nước là người chịu trách nhiệm toàn diện.

Trong lĩnh vực quản lý cộng sản cần đổi mới trong khung luật pháp, chính sách: trong tổ chức, quản lý tài sản Nhà nước (đất đai, nhà, xưởng, DNNN, v.v.), thông qua việc đánh giá những đổi mới tích cực trong vai trò, vị trí của kinh tế Nhà nước, của DNNN; Sở hữu Nhà nước và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước (quản lý cộng sản). Thừa nhận trên thực tế và bảo hộ quyền sở hữu tư nhân đối với các nhân tố sản xuất (vốn, sức lao động, quyền sử dụng đất đai); thừa nhận các quyền về giao dịch, chuyển giao, quyền tự do kinh doanh: cho phép vốn tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng, sự nghiệp công và các ngành nghề mà luật pháp không cấm. Khẳng định vai trò ngày càng tăng của lĩnh vực sở hữu hỗn hợp. Bên cạnh đó, cần xem xét kỹ các hạn chế của hệ thống thể chế hiện hành liên quan đến vấn đề sở hữu tài sản, đặc biệt là các “khoảng trống” thể chế liên quan đến quyền sở hữu tài sản vật chất, quyền chủ nợ (trái quyền),

quyền sở hữu cổ phiếu (cổ quyền) và quyền sở hữu trí thức (sở hữu trí tuệ); Các hạn chế trong việc thực hiện sở hữu nhà nước (về đất đai, tài nguyên, đầu tư công, tài sản công) v.v...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Văn Ân (2006), *Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sách tham khảo, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Marie Lavigne (2002), *Các nền kinh tế chuyển đổi*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Polouektov A. (2002), “*The non - market economy*” issue in international trade in the context of WTO Accessions, UNCTAD/DITC/TNCD/MISC.20
- Nguyễn Văn Nam (2005), *Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Viện phát triển quốc tế Harvard (1994), *Việt Nam: cải cách kinh tế theo hướng rộng bay*, NXB Sự thật, Hà Nội.